

Quản lý môi trường

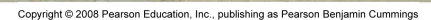
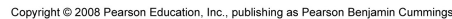
CHƯƠNG 2

QLNN VỀ MÔI TRƯỜNG

Người dân, Chính phủ, Môi trường

- Chúng ta đã thấy rằng các lựa chọn kinh tế ảnh hưởng đến môi trường:
 - Doanh nghiệp sử dụng tài nguyên:
 - Sắt & than để sản xuất thép
 - Dầu mỏ để sản xuất các sản phẩm nhựa
 - Tái sử dụng hoặc tái chế ??
 - Người tiêu dùng mua hàng hóa và dịch vụ
 - Xe ô tô
 - Thịt bò, đậu
 - Bóng đèn sợi đốt hoặc huỳnh quang

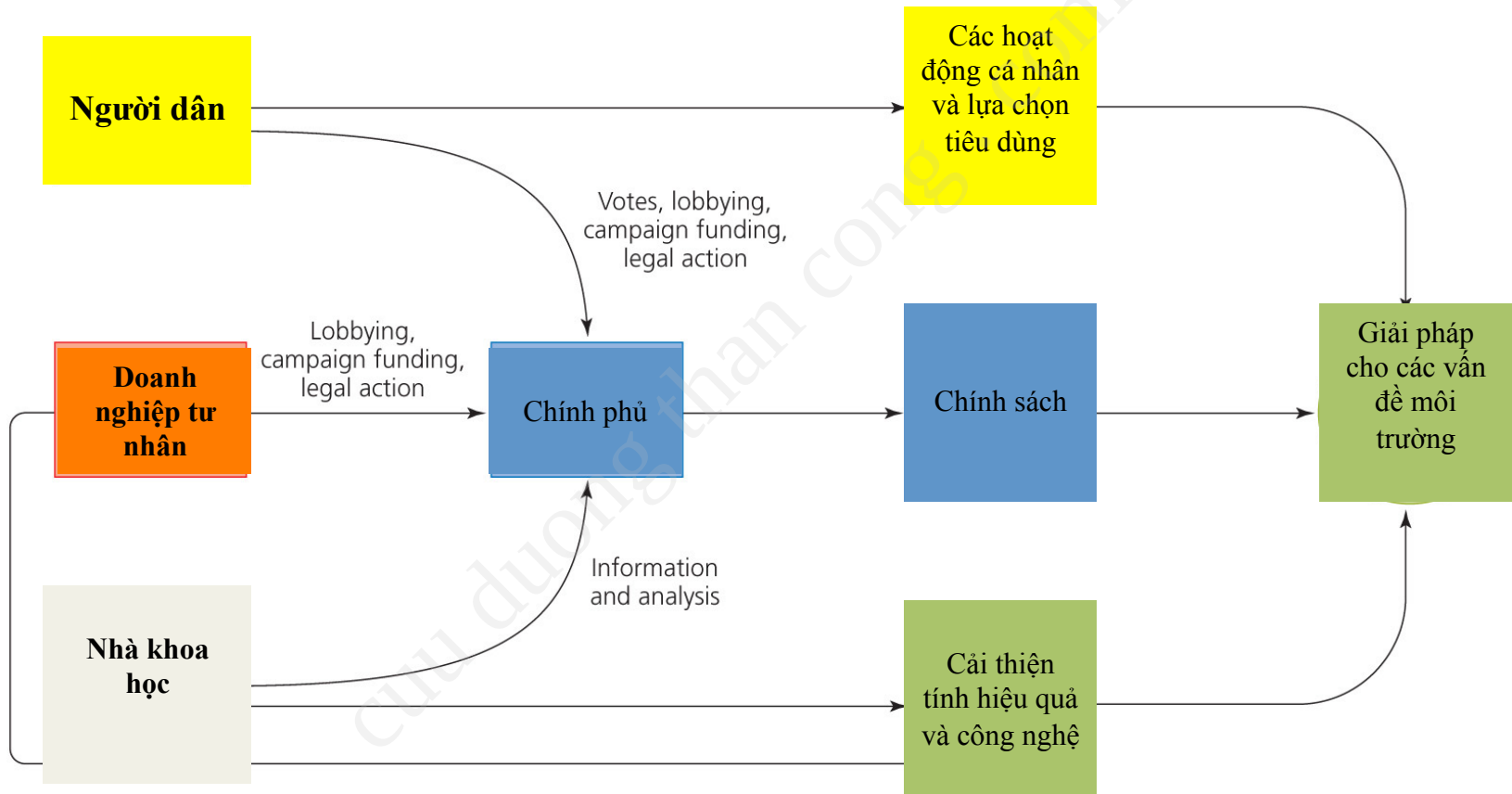
- Thị trường tự do dẫn đến vấn đề môi trường



Người dân, Chính phủ, Môi trường

- Kinh tế thị trường tự do
 - Khuyến khích lợi nhuận ngắn hạn
 - Không khuyến khích bảo tồn dài hạn (bền vững)
 - Bi kịch tài nguyên chung (Tragedy of the Commons)
 - Người ăn theo (Free riders)
 - Chi phí ngoại ứng (External costs)
- Quy định của chính phủ và chính sách môi trường

Giải quyết các vấn đề môi trường



Copyright © 2008 Pearson Education, Inc., publishing as Pearson Benjamin Cummings

Quy trình chính sách

- Xác định vấn đề
 - Ô nhiễm nước thải
- Xác định nguyên nhân
 - Sử dụng khoa học!!
- Hình dung giải pháp
- Chuẩn bị nguồn lực
 - Hệ thống tổ chức hiện tại hoặc mới
- Tiếp cận quy trình xây dựng chính sách
 - Vận động hành lang
- Giải pháp liên quan đến Luật hoặc quy định pháp luật



1 Identify problem



2 Identify specific causes of the problem



3 Envision solution and set goals



4 Get organized



5 Cultivate access and influence



6 Manage development of policy

Phản hồi đối với quy định QL

- Phản ứng của doanh nghiệp
 - Tăng chi phí
 - Để có đủ nguyên liệu đầu vào
 - Kiểm soát quy trình sản xuất để giảm ô nhiễm
 - Hạn chế bán sản phẩm
- Phản ứng của các cá nhân
 - Hạn chế sử dụng tài sản, hạn chế các cơ hội kinh tế
 - Hạn chế quyền
 - Xây dựng nhà ở gần bãi biển
 - Khai thác gỗ trong rừng (có các loại động vật quý hiếm)

Sự cần thiết QLNN về MT

- QLNN về MT để đảm bảo MT tồn tại và phát triển bền vững
- QLNN về MT nhằm:
 - + Sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên
 - + Gắn khai thác với BVMT

Môi trường (environment)

- Môi trường là tập hợp tất cả các thành phần vật chất bao quanh ta, được hình thành do quá trình tự nhiên hoặc được tạo ra bởi con người, có khả năng tác động đến sự tồn tại và phát triển của sinh vật.
- Môi trường được chia làm :
 - + môi trường tự nhiên
 - + môi trường nhân tạo

Quản lý

- Quản lý là quá trình áp dụng các biện pháp mang tính hành chính, pháp chế để đưa đối tượng vào mục tiêu quản lý.
- 5 chức năng cơ bản của quản lý:
 - (i) chức năng lập kế hoạch (thu thập thông tin, tư duy chiến lược, xây dựng mục tiêu và kế hoạch);
 - (ii) chức năng tổ chức thực hiện (phân chia trách nhiệm, quản lý nhân sự và thiết kế công việc);
 - (iii) chức năng lãnh đạo;
 - (iv) chức năng ra quyết định; và
 - (v) chức năng kiểm tra giám sát, đánh giá và điều chỉnh.

Quản lý môi trường

(environmental management)

- Có tác động điều chỉnh các hoạt động của con người đối với các vấn đề môi trường; xuất phát từ quan điểm định lượng, hướng tới phát triển bền vững.
- Các biện pháp thực hiện: luật pháp, chính sách, kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, xã hội, văn hóa, giáo dục...nhằm bảo vệ chất lượng môi trường sống và phát triển bền vững.
- Có 3 nội dung chính : quản lý chất lượng môi trường, quản lý kỹ thuật môi trường và quản lý kế hoạch môi trường.

Quản lý môi trường

Thuật ngữ về quản lý môi trường bao gồm:

- Quản lý nhà nước về môi trường**

Khái niệm: Là sự tác động mang tính tổ chức và quyền lực của các cơ quan HCNN có thẩm quyền lên các quan hệ XH về MT nhằm đạt được những mục tiêu được xác định

- Quản lý của các doanh nghiệp, khu vực dân cư về môi trường**

Các nguyên tắc quản lý môi trường chủ yếu

- Hướng tới sự phát triển bền vững
- Kết hợp các mục tiêu quốc tế - quốc gia - vùng lãnh thổ và cộng đồng dân cư trong việc quản lý môi trường
- Quản lý môi trường xuất phát từ quan điểm tiếp cận hệ thống và cần được thực hiện bằng nhiều biện pháp và công cụ tổng hợp đa dạng và thích hợp.
- Phòng ngừa tai biến, suy thoái môi trường cần được ưu tiên hơn việc phải xử lý hồi phục môi trường nếu để xảy ra ô nhiễm.
- Người gây ô nhiễm phải trả tiền (PPP - Polluter pays principle)

Tổ chức quản lý môi trường

Tổ chức công tác quản lý môi trường là nhiệm vụ quan trọng nhất của công tác bảo vệ môi trường, bao gồm các mảng công việc quan trọng sau:

- Bộ phận nghiên cứu đề xuất kế hoạch, chính sách, các qui định luật pháp dùng cho công tác bảo vệ môi trường.
- Bộ phận quan trắc, giám sát, đánh giá định kỳ chất lượng môi trường.
- Bộ phận thực hiện các công tác kỹ thuật, đào tạo các cán bộ môi trường.
- Các bộ phận nghiên cứu, giám sát kỹ thuật và đào tạo cho các địa phương ở cấp các ngành.

Cơ sở khoa học quản lý môi trường

- Vấn đề môi trường thông thường khá phức tạp, liên quan với nhiều ngành khoa học tự nhiên và xã hội, nên không thể giải quyết bằng một số giải pháp riêng biệt của một ngành khoa học nào đó.
- Quản lý môi trường với tư cách là một lĩnh vực khoa học ứng dụng có chức năng phân tích, đánh giá và áp dụng các thành tựu của khoa học, công nghệ, quản lý xã hội để giải quyết tổng thể các vấn đề môi trường do phát triển đặt ra.

Cơ sở khoa học quản lý môi trường

- Hoạt động của con người đang gây ra các tác động vượt qua khả năng chịu tải của trái đất, và để duy trì cuộc sống, con người cần sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống trên trái đất và quản lý môi trường sống của chính mình thông qua các hoạt động phát triển bền vững.
- Sự hình thành các công cụ tính toán, phương pháp khoa học riêng để đánh giá chất lượng môi trường, đánh giá tài nguyên thiên nhiên, tiêu chuẩn môi trường... Đó là những công cụ có hiệu lực để quản lý chất lượng môi trường.

Cơ sở kỹ thuật - công nghệ

- Hoạt động quản lý môi trường là cần thiết để điều tiết khả năng ứng dụng công nghệ và thiết bị có lợi cho môi trường sống của toàn nhân loại hiện tại cũng như trong tương lai.
- Các giải pháp tối ưu có từ các ứng dụng thông tin dự báo môi trường GIS <Hệ thống thông tin địa lý>, mô hình hoá, qui hoạch môi trường, EIA <Phương pháp đánh giá nhanh>, kiểm toán môi trường, chỉ có thể triển khai trong thực tế thông qua các biện pháp quản lý tổng hợp môi trường của địa phương, ngành, quốc gia, khu vực và quốc tế.
- Quản lý môi trường trong tương lai, có thể trở thành công cụ trợ giúp đắc lực cho sự phát triển của ngành công nghiệp tái chế chất thải, một trong giải pháp công nghệ sạch, công nghệ không có phế thải.

Cơ sở kinh tế của quản lý môi trường

- Nếu dùng các biện pháp và công cụ kinh tế, chúng ta có thể định hướng được sản xuất và tiêu thụ, nói cách khác, có thể điều khiển được các hoạt động sản xuất có tác động đến môi trường.

- Các công cụ bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên rất đa dạng, bao gồm:

Quyền sở hữu

Thuế các loại

Lệ phí và phí môi trường

Quota ô nhiễm

Hệ thống đặt cọc và hoàn trả

Nhãn sinh thái

Trợ cấp và xử phạt

Tiêu chuẩn môi trường

Hệ thống tiêu chuẩn ISO

Cơ sở luật pháp của quản lý môi trường

Luật quốc tế về môi trường:

“ Luật quốc tế về môi trường: là tổng thể các nguyên tắc, qui phạm quốc tế điều chỉnh mối quan hệ giữa các quốc gia, giữa các quốc gia với các tổ chức quốc tế trong việc ngăn chặn, loại trừ thiệt hại do các nguồn khác nhau gây ra cho môi trường của từng quốc gia và môi trường thiên nhiên ngoài phạm vi tài phán quốc gia” (Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh, 2000).

Các công cụ quản lý môi trường

- Công cụ quản lý môi trường là tổng hợp các biện pháp hoạt động về luật pháp, chính sách, kinh tế, kỹ thuật và xã hội nhằm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững kinh tế - xã hội.
- Không có một công cụ nào có giá trị tuyệt đối trong việc quản lý môi trường.
- Mỗi công cụ có chức năng và phạm vi tác động nhất định, chúng tạo ra một tập hợp các biện pháp hỗ trợ nhau.
- Việc nghiên cứu và hoàn thiện các công cụ quản lý là điều bắt buộc phải làm thường xuyên ở các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và là công tác trọng tâm của ngành môi trường.

Phân loại công cụ quản lý môi trường

- Phân loại theo chức năng

- + Công cụ điều chỉnh vĩ mô: là luật pháp, chính sách.

- + Công cụ hành động: là các công cụ hành chính (xử phạt vi phạm môi trường trong kinh tế, sinh hoạt), công cụ kinh tế, có tác động trực tiếp tới lợi ích kinh tế - xã hội của cơ sở sản xuất kinh doanh.

- + Công cụ phụ trợ: là các công cụ không có tác động điều chỉnh hoặc không tác động trực tiếp tới hoạt động. Các công cụ này dùng để quan sát, giám sát các hoạt động gây ô nhiễm, giáo dục con người trong xã hội (GIS, mô hình hoá...)

Phân loại công cụ quản lý môi trường

- Phân loại theo bản chất công cụ
 - + Công cụ luật pháp - chính sách: bao gồm các qui định luật pháp và chính sách về môi trường và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên như các bộ luật về môi trường, luật nước,...
 - + Công cụ kinh tế: đánh vào thu nhập bằng tiền của hoạt động sản xuất kinh doanh. Các công cụ kinh tế chỉ được áp dụng có hiệu quả trong nền kinh tế thị trường và nhanh chóng hoàn thiện theo thời gian, đồng thời rất đa dạng như: thuế môi trường; nhãn sinh thái; phí môi trường; quota môi trường...

Phân loại công cụ quản lý môi trường

- Phân loại theo bản chất công cụ

+ **Các công cụ kỹ thuật:** có tác động trực tiếp vào các hoạt động tạo ra ô nhiễm hoặc quản lý chất ô nhiễm trong quá trình hình thành và vận hành hoạt động sản xuất. Các công cụ kỹ thuật quản lý gồm các công cụ đánh giá môi trường, monitoring <quan trắc> môi trường, kiểm toán môi trường, qui hoạch môi trường, công nghệ xử lý các chất thải, tái chế và sử dụng...

+ **Các công cụ phụ trợ:** không tác động trực tiếp vào quá trình sản xuất sinh ra chất ô nhiễm hoặc điều chỉnh vĩ mô quá trình sản xuất này, có thể bao gồm: GIS, mô hình hoá môi trường, giáo dục và truyền thông về môi trường.

Nguyên tắc QLNN về MT

- Tài nguyên MT là tài sản chung
- TNMT thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước thống nhất quản lý
- Việc khai thác phải kết hợp với bảo vệ và phát triển
- Đảm bảo về tính đa dạng của bảo vệ, khai thác, phát triển và quản lý TNMT
- QLNN về TNMT bằng hệ thống PL
- Việc khai thác, sử dụng, phát triển theo quy hoạch ngành, lãnh thổ
- QL TNMT phải huy động toàn dân tham gia

Nội dung QLNN về MT

Nội dung QLNN về MT (Đ.121)

- Ban hành và tổ chức việc thực hiện các văn bản PL về BVMT, ban hành hệ thống tiêu chuẩn MT.
- Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách BVMT, kế hoạch phòng chống, khắc phục suy thoái MT, ô nhiễm MT, sự cố MT.
- Xây dựng, quản lý các công trình BVMT, các công trình có liên quan đến BVMT.

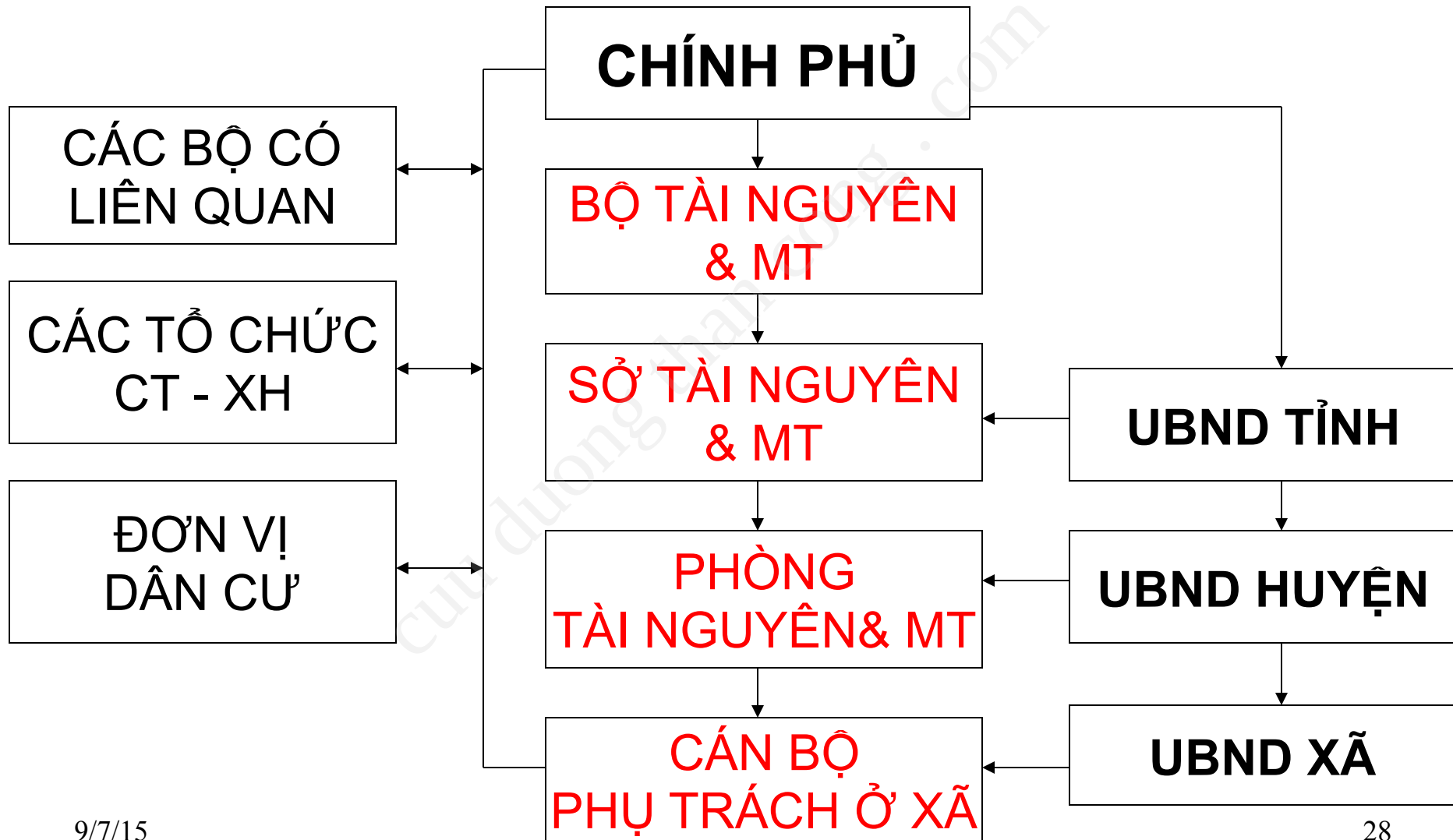
Nội dung QLNN về bảo vệ MT

- Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng MT, dự báo diễn biến MT.
- Thẩm định các báo cáo đánh giá tác động MT của các dự án và các cơ sở SX KD.
- Cấp và thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn MT.

Nội dung QLNN về MT

- Giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành PL về BVMT, giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về BVMT, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT.
- Đào tạo cán bộ về khoa học và quản lý MT.
- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực BVMT.
- Thiết lập quan hệ quốc tế trong lĩnh vực BVMT.

Tổ chức bộ máy QLNN về MT



Quản lý chất lượng môi trường (Environmental quality management)

- *Mục tiêu: đảm bảo chất lượng môi trường theo những mục tiêu đã định.*
- Là thu thập, tổ chức, hệ thống quản lý thông tin về chất lượng môi trường dựa trên các thông số, chỉ thị, chỉ số đo đạc để đánh giá hiện trạng CLMT
- Là lập và tổ chức thực hiện các chiến lược, chính sách, tiêu chuẩn CLMT, các kế hoạch, vận dụng các công cụ quản lý môi trường nhằm đảm bảo chất lượng môi trường theo các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn,
- Thanh tra giám sát CLMT, giải quyết các vấn đề tranh chấp, khiếu tố khiếu nại,
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức BVMT.

Quản lý kế hoạch môi trường

- Kế hoạch Môi trường với các mục tiêu hoặc định hướng về môi trường trong sự thống nhất với các mục tiêu hoặc định hướng kinh tế, xã hội nhằm đảm bảo phát triển bền vững
- Đảm nhận vai trò hoạch định kế hoạch, thực thi kế hoạch, thanh tra giám sát kế hoạch và tổng kết báo cáo các kế hoạch để từ đó lại hoạch định nên kế hoạch mới phù hợp với không gian và thời gian .

Quản lý kỹ thuật môi trường

- nghiên cứu, chuyển giao kỹ thuật công nghệ, áp dụng các công nghệ - kỹ thuật hợp lý, vận hành có hiệu quả theo đúng mục tiêu và kế hoạch môi trường đã đề ra.
- chuyên sâu về kỹ thuật công nghệ môi trường nước, không khí, chất thải rắn, chất thải nguy hại, công nghệ sinh học

vai trò của quản lý chất lượng môi trường

- giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường cho cộng đồng và phòng tránh các sự cố môi trường,
- quản lý chất lượng môi trường giúp cho con người được hưởng một môi trường trong lành trong một xã hội tiến bộ, văn minh, thỏa mãn quyền con người

QLCLMT là một ngành khoa học

- Có vai trò quản lý tổng thể các hoạt động của con người, đảm bảo duy trì và bảo vệ chất lượng môi trường sống của con người cùng các sinh vật khác trên trái đất ở hiện tại cũng như trong tương lai

MỤC TIÊU CỦA QLCLMT

- **Mục tiêu về mặt môi trường**
 1. Đảm bảo con người được quyền hưởng cuộc sống hữu ích, lành mạnh và hài hòa với thiên nhiên
 2. Bảo vệ và hồi phục các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học
 3. Giúp các nhà quản lý nắm bắt được hiện trạng thực tế môi trường, xu hướng vận động của môi trường.
 4. Cải thiện chất lượng môi trường
 5. Giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường trước mắt.
 6. Giảm thiểu sự thiệt hại môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường.
 7. Phòng ngừa các sự cố môi trường, rủi ro môi trường
 8. Giải quyết song song các vấn đề môi trường cấp bách của khu vực, nhân loại với các vấn đề môi trường quốc gia, hòa nhập với xu hướng bảo vệ môi trường toàn cầu.

Mục tiêu về mặt kinh tế, chính trị xã hội

- Giải quyết mâu thuẫn giữa tăng trưởng và phát triển. Giúp cân bằng cho hệ thống động “Tự nhiên – Con người - Xã hội”, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.
- Sửa đổi những bất hợp lý trong các chiến lược, chính sách và pháp luật môi trường để phù hợp với yêu cầu thực tế, hoàn thiện hệ thống pháp chế Nhà nước về môi trường
- Khẳng định vai trò của Quản lý Nhà nước về môi trường bằng pháp luật
- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về môi trường để bảo vệ môi trường trở thành nhiệm vụ của cả xã hội.
- Ổn định kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội quốc gia, khẳng định vị trí quốc gia trên trường quốc tế.

MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA VIỆT NAM

- “Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, phục hồi và cải thiện môi trường ở những nơi đã bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường ở các khu công nghiệp, đô thị và nông thôn, góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân, tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, v.v.”.

Khắc phục và phòng chống suy thoái, ô nhiễm môi trường

- Thực hiện quy định của Luật bảo vệ môi trường về báo cáo ĐTM trong việc xét duyệt cấp phép các quy hoạch, các dự án đầu tư.
- Đối với các cơ sở sản xuất đang hoạt động, phân loại theo hình thức và mức độ ô nhiễm để có biện pháp và tiến hành xử lý.
- Trong hoạt động sản xuất, cần ưu tiên áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng.
- Các khu vực đô thị, các khu công nghiệp cần có và thực hiện tốt phương án xử lý chất thải, ưu tiên xử lý chất thải độc hại, chất thải bệnh viện.
- Thực hiện các kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu, kế hoạch khắc phục hậu quả chất độc hóa học dùng trong chiến tranh, quản lý các hóa chất độc hại và chất thải nguy hại.

Hoàn chỉnh hệ thống văn bản luật pháp bảo vệ môi trường, ban hành các chính sách về phát triển KT-XH gắn liền với BVMT, nghiêm chỉnh thi hành luật BVMT

- Rà soát và ban hành đồng bộ các văn bản dưới luật, các quy định về luật pháp khác nhằm nâng cao hiệu lực của luật
- Ban hành các chính sách về thuế, tín dụng nhằm khuyến khích việc áp dụng các công nghệ sạch
- Thể chế hóa việc đóng góp chi phí bảo vệ môi trường: thuế môi trường, thuế tài nguyên, quỹ môi trường, v.v.
- Thể chế hóa việc giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường: Tính toán hiệu quả kinh tế bao gồm chi phí bảo vệ môi trường

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về BVMT từ Trung ương đến địa phương, công tác nghiên cứu, đào tạo cán bộ về MT

- Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia, vùng lãnh thổ và gắn chúng với hệ thống các trạm quan trắc môi trường toàn cầu và khu vực.
- Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu môi trường quốc gia và quy chế thu nhập, trao đổi thông tin môi trường quốc gia với quốc tế.
- Hình thành hệ thống cơ sở nghiên cứu và đào tạo cán bộ chuyên gia về khoa học và công nghệ môi trường đồng bộ, đáp ứng công tác bảo vệ môi trường của quốc gia và từng ngành.
- Kế hoạch hóa công tác bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương, các bộ, các ngành..

Phát triển đất nước theo các nguyên tắc phát triển bền vững

- Tôn trọng và quan tâm đến cuộc sống cộng đồng
- Cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người
- Bảo vệ sức sống và tính đa dạng của trái đất
- Giữ vững trong khả năng chịu đựng của trái đất
- Thay đổi thái độ, hành vi và xây dựng đạo đức mới vì sự phát triển bền vững
- Tạo điều kiện để cho các cộng đồng tự quản lý lấy môi trường của mình
- Tạo ra một cơ cấu quốc gia thống nhất thuận lợi cho việc phát triển bền vững
- Xây dựng khối liên minh toàn thế giới về bảo vệ và phát triển
- Xây dựng một xã hội bền vững

Xây dựng các công cụ hữu hiệu về quản lý môi trường

- Xây dựng các công cụ quản lý thích hợp cho từng ngành, từng địa phương tùy thuộc vào trình độ phát triển
- Hình thành và thực hiện đồng bộ các công cụ quản lý môi trường (luật pháp, kinh tế, kỹ thuật – công nghệ, các chính sách xã hội, v.v.)

Mục tiêu đối với chất ô nhiễm

Các chất ô nhiễm đối với môi trường nước

- Giảm nồng độ các chất thải trong nước thải công nghiệp thông qua các hoạt động, chương trình sản xuất sạch, sản xuất không chất thải và xử lý nước thải đến tiêu chuẩn cho phép.
- Trong một số ngành công nghiệp như dệt nhuộm, thuốc da, luyện kim cần hạ thấp hàm lượng các kim loại nặng như Chì, Crom,...
- Hạ thấp các chỉ tiêu *E.coli*, Nitơ, Phốtpho tổng trong nước thải sinh hoạt, bệnh viện đến tiêu chuẩn quy định của nước mặt.
- Tăng cường nạo vét sông hồ, kênh mương nội thị đảm bảo độ màu của nước, giảm lắng đọng, bảo đảm mỹ quan đô thị.
- Giảm hàm lượng các loại thuốc bảo vệ thực vật độc hại trong nước mặt và nước ngầm thông qua việc hạn chế sử dụng, sử dụng đúng cách các loại thuốc này.
- Giảm hàm lượng các loại vi sinh *E.coli*, *Coliform* trong các nguồn nước mặt, nước ngầm ở khu vực nông thôn bằng việc thực hiện vệ sinh hợp lý nhà vệ sinh, khu vực chăn nuôi.
- Thực hiện vận chuyển an toàn cho các tàu chở dầu đảm bảo không tràn đổ, rò rỉ dầu.
- Đảm bảo mục tiêu 100% dân cư thành thị và 95% dân cư nông thôn được cung cấp nước sạch vào năm 2020.

Các chất ô nhiễm đối với không khí

- Giảm tối đa hàm lượng bụi trong không khí ở cả khu vực đô thị, khu công nghiệp và nông thôn.
- Giảm hàm lượng CO₂, CO, SO₂ trong khí thải công nghiệp, tránh hiện tượng acid hóa cục bộ quanh các khu công nghiệp bằng việc thay thế nguồn năng lượng sạch. Hạn chế việc tạo ra CFC trong sinh hoạt hàng ngày và trong công nghiệp.
- Sử dụng và bảo quản tốt các dung môi hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp.

Các chất ô nhiễm đối với môi trường đất

- Hạn chế việc sử dụng hóa chất độc hại, các loại phân bón gây thoái hóa đất trong nông nghiệp, giảm hàm lượng độc chất tồn trữ trong đất.
- Khai thác và sử dụng hợp lý để giảm đi sự xâm nhập mặn và phèn hóa của đất.
- Tạo lớp phủ tự nhiên cho bề mặt đất vùng núi trung du.
- Tiến hành phân loại triệt để chất thải rắn sinh hoạt trước khi chôn lấp.

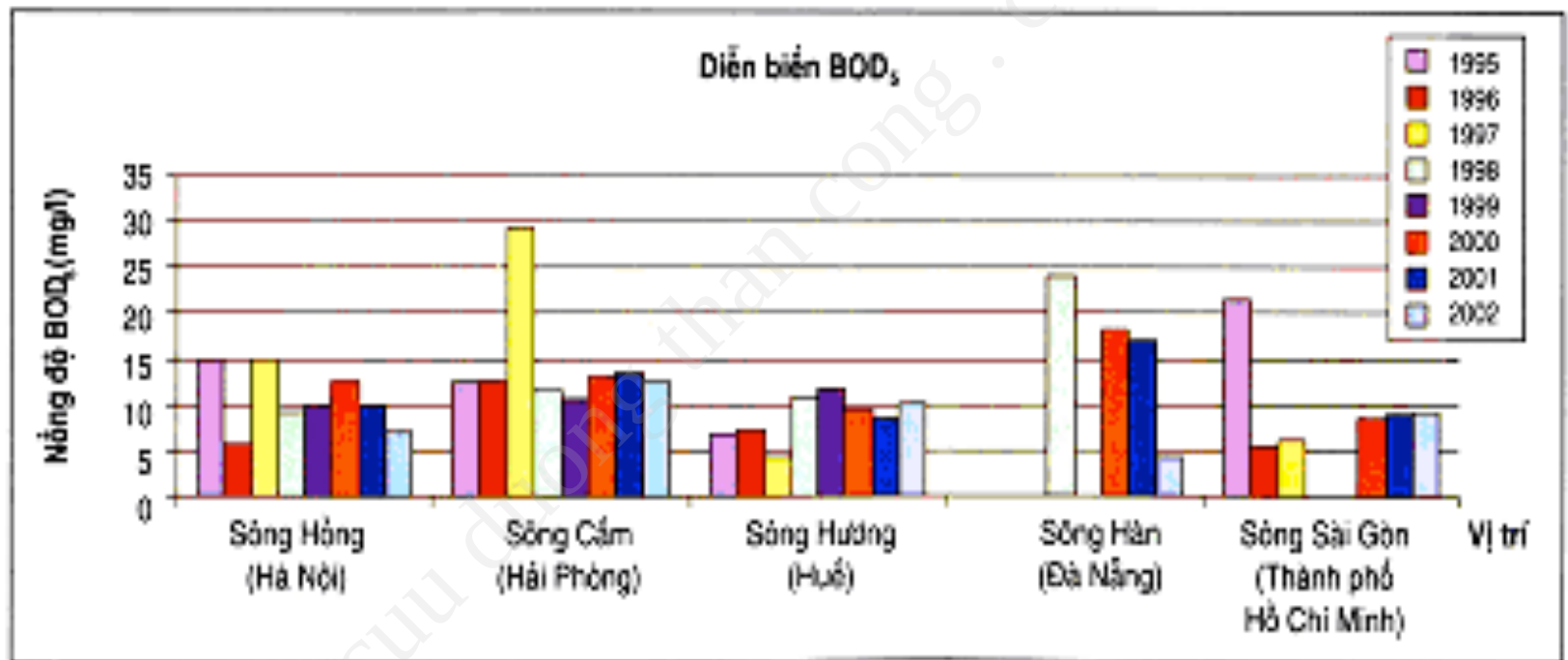
NHIỆM VỤ QLCLMT

- 1) *Nắm chắc hiện trạng môi trường cũng như mọi biến động của nó. Tổ chức đánh giá định kỳ hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường*
- 2) *Xây dựng và quản lý các công trình bảo vệ môi trường*
- 3) *Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách và pháp luật môi trường.*
- 4) *Quản lý các hoạt động ĐTM, thẩm định các báo cáo ĐTM của các dự án kinh tế - xã hội, môi trường.*
- 5) *Xây dựng và quản lý hệ thống tiêu chuẩn môi trường, các chỉ số, chỉ thị môi trường*
- 6) *Thanh tra, giám sát việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện về môi trường, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đảm bảo việc thực thi pháp luật về môi trường, thực hiện công bằng xã hội.*
- 7) *Nâng cao trình độ khoa học – kỹ thuật, trình độ quản lý, trình độ pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.*
- 8) *Thiết lập các quan hệ quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*

Chất lượng nước mặt tại đô thị

- các sông, ao hồ, kênh rạch chảy qua nội thị đều là nơi tiếp nhận và vận chuyển các nguồn thải (sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ, hoạt động giao thông, nước mưa...) chưa được xử lý nên chúng bị ô nhiễm nặng. Nồng độ các chất ô nhiễm đều vượt và vượt rất cao so với tiêu chuẩn cho phép.
- Nguy hiểm nhất là các chỉ số E. coli tăng gấp trăm lần, các chất hữu cơ, kim loại nặng và hóa chất độc hại như chì, thủy ngân, asen, Phenol, ...

Chất lượng nước sông



Diễn biến BOD₅ trên các sông đã quan trắc từ năm 1995 - 2002
Theo Tiêu chuẩn Việt Nam 5942 - 1995: Nước loại A < 4 mg/l
Nước loại B < 25 mg/l

Chất lượng nước ngầm

Table II- 9. Typical Pollutants Observed in the Case Study Cities

	TianJin	Bandung	Colombo	Kandy	Bangkok	HCMC	Osaka
Fluorine	x				x		
Metals (e.g. manganese, iron)		x	x		x	x	
Heavy metals (e.g. cadmium)		x				x	x
Nitrate		x	x		x	x	
VOCs (e.g. chloroethylene)							x
Coliform	x	x	x	x		x	
Salinity	x		x		x	x	

Note: This matrix is created based on the information provided by the respective case studies. The table may not include all the pollutants in each city.

Chất lượng nước ngầm

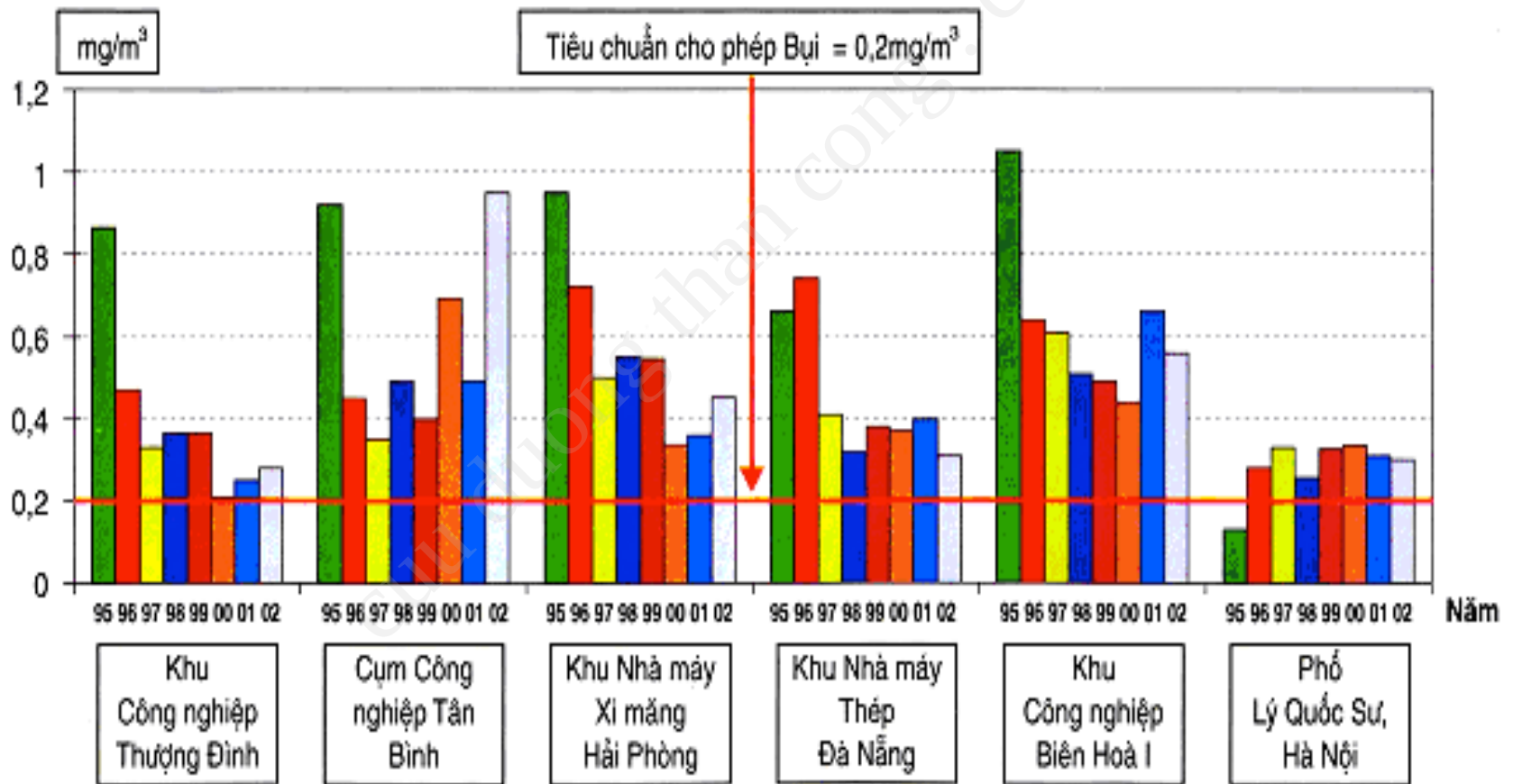
Bandung – Indonesia, Kandy - Sri Lanka

Table II-10. Monitored Values of Total Coliform in Three Cities (MPN/100 ml)

City	Bandung	Kandy	HCMC
Year	2005	2005	2001
Highest value	0.11*	144	0.93*

*Million MPN/100 ml

Chất lượng không khí KCN



Chất lượng môi trường đất

- Với diện tích khoảng 33.000.000ha, trong đó khoảng 2/3 diện tích thuộc miền núi và trung du, phần còn lại là đồng bằng châu thổ.
- Tính bình quân trên đầu người, đất canh tác khoảng 0,1ha, thuộc nhóm quốc gia nghèo tài nguyên đất

Chất lượng đất

- **Đất đô thị: quá tải, sụt lún, ô nhiễm do chôn CTR**
- **Đất vùng núi: chặt phá rừng, tăng xói mòn, mất dưỡng chất, sạt lở...**
- **Đất nông thôn: lạm dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu ... làm đất bị bạc màu...**
- **60% đất trồng chất lượng kém**

Thay đổi mục tiêu Sử dụng đất

Tianjin: Thiên tân TQ, Bandung – Indonesia,
Colombo và Kandy - Sri Lanka

Table II-11. Land-Use Changes (within the Past 10 Years)

Land-Use Type	Change (%)				
	Tianjin	Bandung	Colombo	Kandy	HCMC*
Agricultural land	-2.9	-47.3	39.6	-4.3	-7.8
Build-up land	8.6	49.3	933.1	48.2	41.5
Forests	NA	-43.6	-16.2	110.4	-8.6
Water bodies	-0.3	-31.9	-59.4	8.3	NA

**During 2000 to 2003 period*

CÁC XU HƯỚNG QLMT

- Giảm thiểu tải lượng ô nhiễm môi trường : chương trình sản xuất sạch hơn, sử dụng nhiên liệu sạch, xử lý chất thải, cấp nhãn môi trường; phân loại CTR và xử lý bằng công nghệ hợp lý; chất thải nguy hại, chất thải bệnh viện thu gom và xử lý riêng; hạn chế sử dụng hóa chất nông nghiệp.
- Cải thiện CLMT: nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, đường giao thông; thu gom và xử lý nước thải tập trung; nạo vét, cải tạo hệ thống kênh rạch sông hồ; tăng diện tích rừng và diện tích cây xanh...
- Cân bằng sinh thái: nghiên cứu và tìm ra các nguồn năng lượng sạch; hạn chế tối đa và phục hồi các hệ sinh thái ở vùng khai khoáng; tăng diện tích rừng ngập mặn, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia...

CÁC XU HƯỚNG QLMT

- Chiến lược quản lý môi trường: phòng ngừa hơn là khắc phục. Tăng cường sử dụng công cụ kinh tế trong quản lý môi trường.
- Tăng cường công tác Giáo dục, tuyên truyền trong cộng đồng, nâng cao ý thức, trách nhiệm tiến đến xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.
- Đẩy mạnh các công tác quan hệ quốc tế về môi trường, hòa nhập theo xu hướng toàn cầu.

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ QLMT

THUẾ PHÁT THẢI KHÍ OXIT NITƠ (NITROGEN OXIDE) Ở THUY ĐIỀN

- Được áp dụng từ năm 1992
- Áp dụng cho 120 nhà máy khí đốt với 180 lò đốt
- Mục đích của chính sách thuế này là có tác động khuyến khích giảm phát thải – **Không** phải tiền thuế thu được
- Vì vậy tiền thuế được hoàn trả lại cho các nguồn phát thải (để chính sách thuế được các đối tượng chịu thuế chấp nhận)

THUẾ PHÁT THẢI KHÍ OXIT NITƠ Ở THỤY ĐIỂN (tiếp)

■ Tình huống có thể xảy ra:

Nếu tiền thuế được hoàn trả cho các nguồn phát thải và tất cả các doanh nghiệp đều biết là họ sẽ được hoàn trả lại tiền thuế, các khuyến khích về kinh tế để hạn chế phát thải sẽ không còn tồn tại nữa.

■ Cần thiết kế một hệ thống hoàn trả thuế khả thi về chính trị (được xã hội chấp nhận) mà không ảnh hưởng đến các khuyến khích giảm phát thải.

THUẾ PHÁT THẢI KHÍ OXIT NITƠ Ở THỤY ĐIỂN (tiếp)

■ Cơ chế:

- Thuế được thu dựa trên lượng phát thải.
- Hoàn trả thuế dựa trên năng lượng (lượng khí đốt) được sản xuất ra.

■ Kết quả:

- Phát thải trên một đơn vị năng lượng sản xuất ra đã giảm mạnh
- Các ước lượng cho thấy lợi ích của chính sách thuế phát thải lớn gấp ba lần chi phí bỏ ra.

THUẾ TÚI NILON Ở IRELAND

•

Tăng trưởng kinh tế ở Ireland thập niên 1990s



Tăng đáng kể chất thải rắn



Thiếu các bãi chôn lấp rác thải



Tăng chi phí phát thải



Đổ rác bất hợp pháp và xả rác



Tác động tiêu cực đến ngành du lịch

THUẾ TÚI NILON Ở IRELAND

- Phần dễ thấy nhất của rác thải là các túi nilon
- Chính phủ ban hành và áp dụng:
”Thuế môi trường đối với túi nilon”
- Các cửa hàng bán lẻ phải trả chi phí 15 cent cho một túi nilon và số tiền này người tiêu dùng sẽ phải trả cho các cửa hàng bán lẻ
- Các khuyến khích sử dụng ”túi có thể sử dụng nhiều lần” (chính phủ mong đợi giảm 50% lượng túi nilon)
- Thành công: lượng túi nilon thực tế đã giảm 95%.

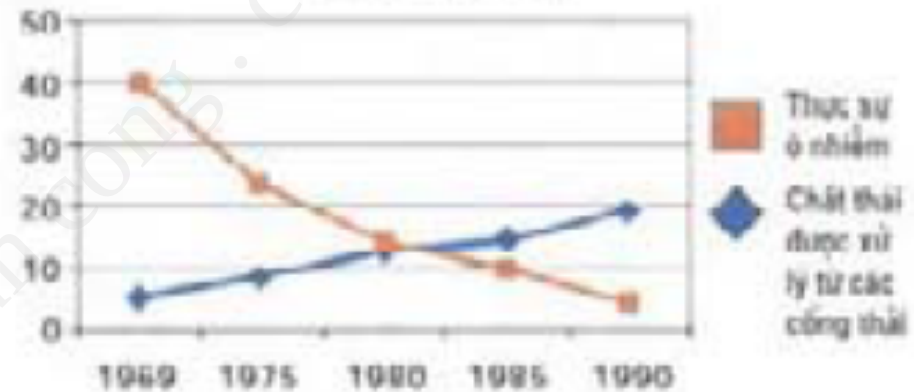
Hà Lan

Trong số các nước OECD, Hà Lan là nước có kinh nghiệm thành công và bao quát nhất về hệ thống phí ô nhiễm nước. Khoảng năm 1969, ô nhiễm hữu cơ các nguồn nước tại Hà Lan rất nghiêm trọng làm cho rất nhiều sông ngòi bị chết về mặt sinh học. Lúc đó, hàng năm công nghiệp và các hộ gia đình đã đổ khoảng 40 triệu PE (Population-equivalents - là mức ô nhiễm hữu cơ trung bình gây bởi một người trong một hộ gia đình thông thường) xuống các hệ thống cống thải và sông ngòi của Hà Lan. Kim loại nặng từ các ngành công nghiệp cũng đã tăng lên đến mức nguy hiểm.

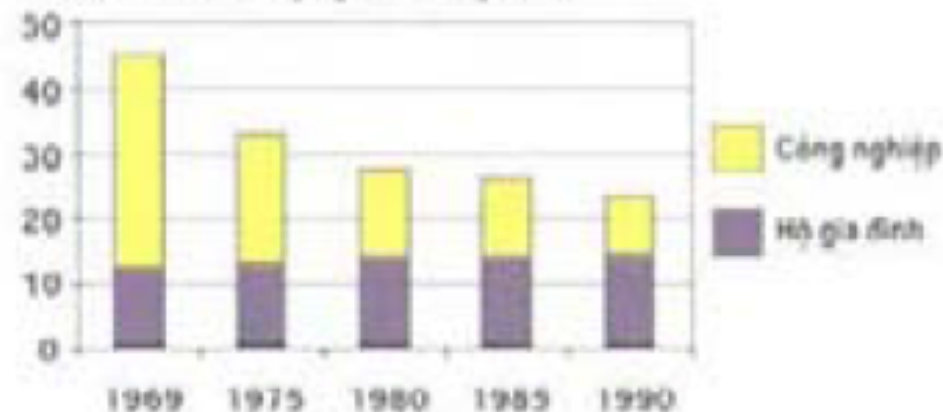
Hà Lan

Hà Lan đã giải quyết vấn đề bằng Đạo luật về ô nhiễm nước mặt (Pollution of Surface Waters Act - PSWA) năm 1970, cấm phát thải không có giấy phép ra các hệ thống nước mặt và đưa ra các loại phí phát thải gây ô nhiễm. Các ngành công nghiệp phải trả tiền để phát thải kim loại nặng và tất cả các thành phần khác trong xã hội cũng được định giá cho mức phát thải các chất hữu cơ: các hộ gia đình ở vùng đô thị là 3 PE; các hộ nông dân là 6 PE; các xí nghiệp nhỏ là 3 PE; các xí nghiệp vừa: ước tính PE theo các mô hình tính toán; và các xí nghiệp lớn: đo trực tiếp giá trị PE. Các cơ quan có thẩm quyền qui định các mức giảm cho các xí nghiệp vừa và nhỏ nếu các xí nghiệp này chứng minh được rằng lượng phát thải thực sự của họ thấp hơn các ước tính chính thức.

Ô nhiễm hữu cơ các nguồn nước do công nghiệp và các hộ gia đình ở Hà Lan (triệu PE)



Phát thải ra sông ngòi và cống rãnh



Câu hỏi thảo luận

- Trình bày kinh nghiệm áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường của các nước OECD? Có thể rút ra những bài học gì cho Việt Nam?
- Phân tích những thuận lợi và khó khăn đối với áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường ở Việt Nam?